

Bản án số: 945/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Nhu

Ông Phan Minh Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền - Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 226/2025/HNST ngày 05 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1365/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2628/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Xuân T, sinh năm 1982; Cư trú tại: Số A đường N, phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1972; Cư trú tại: Số C đường T, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (hiện nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/02/2025 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Xuân T trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh H có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống đến giữa năm 2022, bà T và ông H xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc không thể sống chung với nhau. Ngày 06 tháng 11 năm 2024 bà Nguyễn Xuân T có nộp đơn ly hôn đơn phương tại tòa án. Trong quá trình nộp đơn, bà đã cho ông H cơ hội để hàn gắn. Tuy nhiên,

sau vài tháng, bà nhận thấy không thể cứu vãn mối quan hệ và không thấy được sự thay đổi từ phía ông H. Đến nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông Nguyễn Thanh H vì vậy bà đề nghị tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Bà T và ông Nguyễn Thanh H có 01 con chung là trẻ Nguyễn Gia H1, sinh ngày 19/11/2015, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con là cháu Nguyễn Gia H1, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Xuân T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà, bà T giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án. Ông Nguyễn Thanh H vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Qua kiểm tra việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự và hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Xuân T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H. Về con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Gia H1, sinh ngày 19/11/2015 cho bà Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, bà Nguyễn Xuân T không yêu cầu ông Nguyễn Thanh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Xuân T đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc bà Nguyễn Xuân T khởi kiện ông Nguyễn Thanh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ cho ông Nguyễn Thanh H nhưng ông H đã vắng mặt đến lần thứ hai, bà Nguyễn Xuân T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm a, b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Xuân T.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 200/2014 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/10/2014 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Xuân T và ông Nguyễn Thanh H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các biên bản ghi nhận lời khai của nguyên đơn là bà Nguyễn Xuân T thì nguyên nhân bà T yêu cầu ly hôn là do cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng không cùng quan điểm sống, không chia sẻ được với nhau về tương lai hạnh phúc gia đình. Hồ sơ vụ án thể hiện trước đây bà T đã nộp đơn yêu cầu ly hôn ông H và được Tòa án nhân dân quận Gò Vấp (hiện nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý vào ngày 06 tháng 11 năm 2024, sau đó bà đã rút đơn khởi kiện với mong muốn chăm sóc tốt cho con chung nhưng đến nay bà tiếp tục nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh H. Qua kết quả trả lời xác minh của Công an P, quận G và quá trình tổng đạt thừa phát lại thể hiện ông Nguyễn Thanh H vẫn sinh sống tại địa chỉ số C đường T, phường A, quận G, (hiện nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng quá trình thụ lý vụ án theo yêu cầu xin ly hôn với ông H của bà T, dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Thanh H không đến tòa làm việc dù chỉ 1 lần, thể hiện ông không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những phân tích trên cho thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà Nguyễn Xuân T và ông Nguyễn Thanh H có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Xuân T là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số 19 ngày 20/01/2016 của Ủy ban nhân dân Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đủ cơ sở xác định trẻ Nguyễn Gia H1, sinh ngày 19/11/2015 là con chung của bà Nguyễn Xuân T và ông Nguyễn Thanh H. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Xuân T có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung, xét con chung của bà T và ông H hiện đang sống cùng mẹ là bà Nguyễn Xuân T, bà T có công việc ổn định và có sự hỗ trợ chăm sóc con chung của gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Xuân T, giao trẻ Nguyễn Gia H1, sinh ngày 19/11/2015 cho bà Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận bà Nguyễn Xuân T không yêu cầu ông Nguyễn Thanh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Xuân T phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn.

Đối với phần phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh đã phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến về việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Xuân T:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Xuân T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 200/2014 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 10 năm 2014 không còn hiệu lực.

Về con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Gia H1, sinh ngày 19/11/2015 cho bà Nguyễn Xuân T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Bà Nguyễn Xuân T không yêu cầu ông Nguyễn Thanh H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thanh H được quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Xuân T không yêu cầu giải quyết, Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà Nguyễn Xuân T phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0057454 ngày 05/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp (hiện nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Xuân T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKS ND KV7 –TP . HCM;
- Đương sự;
- Phòng THA DS KV7-TP . HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã đóng dấu và ký tên)

Nguyễn Mạnh Hùng